

Bản án số: 224/2022/KDTM-PT

Ngày: 09/5/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Kim Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/4/2022 và 09/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2020/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án sơ thẩm số 94/2020/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 591/2022/QĐPT-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 3209/2022/QĐ-HPT ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2 H, phường T, quận B, Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: 1200 L, Phường A, quận T, TPHCM

Người đại diện hợp pháp: Ông M; Địa chỉ: 1200 L, phường A, quận T, TP.HCM (có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền 118/GUQ-NHNoTB ngày 18/01/2021).

Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T.

Địa chỉ: 124/15 Đ, Phường X, quận T, TPHCM

Người đại diện hợp pháp: Ông C; Địa chỉ: 44/15 đường B, phường C, quận G, TP.HCM (có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 01/2019/GUQ ngày 26/10/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông D (vắng mặt)

Trú tại: 124/15 Đ, Phường X, quận T, TPHCM

- Bà H (vắng mặt)

- Ông ĐH (vắng mặt)

- Trẻ ĐT

- Trẻ PT

- Trẻ KN

(Trẻ ĐT, trẻ PT, trẻ KN có mẹ ruột là bà H làm người đại diện theo pháp luật) – vắng mặt.

Cùng trú tại: 124/15 Đ, Phường X, quận T, TPHCM

- **Người kháng cáo:** Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Ngày 16/6/2016, Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T (sau đây gọi là Công ty T) ký hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706, vay số tiền 39.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 60 tháng, trả gốc và lãi vào ngày 05 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 37.790.080.000 đồng cho Công ty T theo các Giấy nhận nợ ngày 16/6/2016, 29/6/2016, 04/8/2016, 05/10/2016 và ngày 06/10/2016. Để đảm bảo cho khoản vay, ông D đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 124/15 Đ, Phường X, quận T, TPHCM và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 75B TKX, Phường 7, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho hợp đồng vay của Công ty T.

Ngày 04/10/2016, Ngân hàng và Công ty T tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 6360LAV20161282 vay số tiền 40.000.000.000 đồng, mục đích vay đầu tư mua đất, xây dựng văn phòng, cửa hàng trưng bày sản phẩm tại 57 HBT, Phường VN, Thành phố H, thời hạn vay 240 tháng. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T số tiền 39.000.000.000 đồng theo các Giấy nhận nợ ngày 23/12/2016, 18/01/2017, 09/3/2017 và ngày 12/5/2017. Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty T đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty T là quyền sử dụng đất và quyền hình thành tài sản tương lai tại 57 HBT, Phường VN, Thành phố H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hai hợp đồng nói trên từ ngày 05/5/2018 cho đến nay. Số tiền Công ty T còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 10/9/2019 như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706 ngày 16/6/2016: Công ty T đã trả được 27.120.500.000 đồng tiền nợ gốc, 5.430.381.415 đồng tiền nợ lãi và còn nợ tiền gốc: 10.669.580.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 7.030.904.617 đồng, lãi phạt quá hạn: 1.362.803.792 đồng. Tổng cộng: 19.063.288.409 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 6360LAV20161282 ngày 04/10/2016: Công ty T đã trả được 5.875.000.000 đồng tiền nợ gốc, 6.283.533.042 đồng tiền nợ lãi và còn nợ tiền gốc: 33.125.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 8.694.392.361 đồng. Tổng cộng: 41.819.392.361 đồng.

Tổng và lãi theo hợp đồng tín dụng nêu trên là 60.882.680.770 đồng.

Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án. Trong quá trình Tòa án giải quyết, ngày 03/7/2020 Công ty T trả được một phần nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706 với số tiền 19.300.000.000 đồng và Ngân hàng tiến hành giải chấp tài sản thế chấp là nhà, đất tại địa chỉ 75B TKX, Phường 7, Quận P. Ngày 16/7/2020, Ngân hàng có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó, Ngân hàng rút yêu cầu phát mãi tài sản đối với tài sản 75B TKX, Phường 7, Quận P.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc và lãi theo hai hợp đồng tín dụng là 61.321.466.428 đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706 ngày 16/6/2016: 19.309.765.039 đồng, trong đó nợ gốc: 10.669.580.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 7.087.216.289 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.552.968.750 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 6360LAV20161282 ngày 04/10/2016: 42.011.701.389 đồng, trong đó nợ gốc 33.125.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 8.886.701.389 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Công ty T trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp Công ty T không trả hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 124/15 Đ, Phường X, quận T, TPHCM và quyền sử dụng đất và quyền hình thành tài sản tương lai tại 57 HBT, Phường VN, Thành phố H để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn thừa nhận số tiền nợ gốc, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tiền lãi.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 94/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận Tân Bình đã tuyên:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là nhà, đất tại địa chỉ 75B TKX, Phường 7, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc Công ty TNHH một thành viên Thương mại xuất nhập khẩu T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền theo các hợp đồng tín dụng sau:

2.1. Hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706 ngày 16/6/2016:

Tiền nợ gốc: 10.669.580.000 đồng.

Tiền lãi trong hạn: 7.087.216.289 đồng, tiền lãi quá hạn: 1.551.968.750 đồng.

Tiền nợ gốc và lãi là 19.309.765.039 (Mười chín tỷ ba trăm lẻ chín triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn không trăm ba mươi chín) đồng.

2.2. Hợp đồng tín dụng số 6360LAV20161282 ngày 04/10/2016:

Tiền nợ gốc: 33.125.000.000 đồng.

Tiền lãi trong hạn: 8.886.701.389 đồng.

Tiền nợ gốc và lãi là 42.011.701.389 đồng (Bốn mươi hai tỷ không trăm mười một triệu bảy trăm lẻ một nghìn ba trăm tám mươi chín) đồng.

Tổng cộng, Công ty T phải thanh toán tiền gốc và lãi theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên là 61.321.466.428 (Sáu mươi một tỷ ba trăm hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi tám) đồng.

Phương thức và thời hạn trả: Trả làm một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiền lãi được tiếp tục phát sinh kể từ ngày 30/9/2020 theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi Công ty T trả hết nợ.

Ngay khi Công ty T trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706 ngày 16/6/2016 thì Ngân hàng phải trả lại cho ông D bản chính các giấy tờ sau:

Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 300114, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CHO1389 do Ủy ban nhân dân Quận Tân Bình cấp cho ông D ngày 27/11/2013.

Bản chính thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số 8282-13/TB ngày 28/11/2013.

Ngay khi Công ty T trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 6360LAV20161282 ngày 04/10/2016 thì Ngân hàng phải trả lại cho Công ty T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC449602 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 29/3/2016, cập nhật thay đổi ngày 04/10/2016.

Trường hợp Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: 124/15 Đ, Phường X, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CHO1398 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp cho ông D ngày 27/11/2013 và quyền sử dụng đất và quyền hình thành tài sản tương lai tại 57 HBT, Phường VN, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp

giấy CH/00416-2016 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 29/3/2016, cấp nhật biên động cho Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T ngày 04/10/2016 để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp, khi phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 124/15 Đ, Phường X, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706 ngày 16/6/2016. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp vẫn còn thừa thì phải trả lại số tiền còn thừa cho ông D.

Trường hợp, khi phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 57 HBT để thu hồi nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 6360LAV20161282 ngày 04/10/2016. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp vẫn còn thừa thì phải trả lại số tiền còn thừa cho Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T.

Trường hợp, khi phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng N sau khi thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ do Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T phải chịu mà số tiền phát mãi tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T phải tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

3. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 169.321.466 (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm hai mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng do Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 88.901.650 (Tám mươi tám triệu chín trăm lẻ một nghìn sáu trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038450 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ án thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2020, Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, xem xét lại tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn trình bày, ngày 21/12/2020, Công ty T đã trả một phần nợ cho Ngân hàng với số tiền 34.000.000.000 đồng, trong đó trả nợ gốc cho hợp đồng 6360LAV201600706 ngày 16/6/2016 là 875.000.000 đồng và hợp đồng số 6360LAV201601282 ngày 04/10/2016 là 33.125.000.000 đồng. Ngân hàng đã thực hiện giải chấp tài sản Quyền sử dụng đất và quyền hình thành tài sản tương lai tại 57 HBT, Phường VN, Thành phố H tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 6360LCL201601294 ngày 04/10/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6360LCL201601768. Do đó, Ngân hàng rút một phần yêu cầu

khởi kiện đối với khoản nợ đã trả là 34.000.000.000 đồng của hai hợp đồng nêu trên. Số nợ hiện nay Công ty T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng theo hai hợp đồng là 28.333.346.773 (Hai mươi tám tỷ ba trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi ba đồng) đồng, cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706 ngày 16/06/2016, tổng số nợ gốc và lãi phải trả là 18.599.439.439 đồng trong đó, nợ gốc: 9.794.580.000 đồng, lãi trong hạn: 7.332.966.328 đồng, lãi phạt quá hạn: 1.471.893.111 đồng (tính từ ngày 06/01/2018 đến ngày 21/12/2020).

- Đối với hợp đồng tín dụng số 6360LAV201601282 ngày 04/10/2016, nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi trong hạn: 9.716.666.667 đồng, lãi quá hạn: 17.240.667 đồng. Tổng cộng là 9.733.907.334 đồng. (Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 05/06/2018 đến ngày 21/12/2020).

Trường hợp, Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T vẫn không thanh toán toàn bộ số nợ nói trên, Ngân hàng N đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho phát mãi tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên để thu hồi nợ. Tài sản cần phát mãi là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại 124/15 Đ, Phường X, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tại hợp đồng thế chấp tài sản số 6360LCL201600496 ngày 26/04/2016 trong đó chủ tài sản là ông D đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 94/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông D; bà H; ông DH; trẻ DT, trẻ PT, trẻ KN có mẹ ruột là bà H làm người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706 ngày 16/6/2016 và hợp đồng tín dụng số 6360LAV201601282 ngày 04/10/2016 có nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật nên có hiệu lực buộc các bên phải thi hành. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là có căn cứ.

Sau khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm, ngày 21/12/2020, Công ty T đã trả số tiền 34.000.000.000 đồng cho toàn bộ nợ gốc của hợp đồng số 6360LAV201601282 ngày 04/10/2016 và một phần nợ gốc của hợp đồng số 6360LAV201600706 ngày 16/6/2016. Do đó, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ 34.000.000.000 đồng và đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và quyền hình thành tài sản tương lai tại 57 HBT, Phường VN, Thành phố H.

Số nợ còn lại sau khi bị đơn đã thanh toán một phần như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706 ngày 16/06/2016, tổng số nợ gốc và lãi bị đơn còn nợ là 18.599.439.439 đồng trong đó, nợ gốc: 9.794.580.000 đồng, lãi trong hạn: 7.332.966.328 đồng, lãi quá hạn: 1.471.893.111 đồng.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 6360LAV201601282 ngày 04/10/2016, bị đơn đã trả hết nợ gốc nên còn lại nợ lãi trong hạn: 9.716.666.667 đồng, lãi quá hạn: 17.240.667 đồng. Tổng cộng là 9.733.907.334 đồng.

Tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm, bị đơn chưa thanh toán tiếp khoản nợ còn lại cho nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại khoản tiền lãi phải trả cho nguyên đơn. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận số nợ gốc nhưng không đồng ý số tiền lãi phải trả cho nguyên đơn, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp thêm được chứng cứ mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu do bị đơn đã thanh toán một phần nợ gốc của hai hợp đồng và rút yêu cầu phát mãi đối với tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất và quyền hình thành tài sản tương lai tại 57 HBT, Phường VN, Thành phố H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ đã trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải tiếp tục thanh toán

khoản nợ còn lại cho nguyên đơn. Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân Quận Tân Bình không có lỗi.

[3] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền gốc và lãi phải trả cho nguyên đơn.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 94/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng Điều 30, 38, 148, 227, 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với số nợ 34.000.000.000 (Ba mươi bốn tỷ) đồng và đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và quyền hình thành tài sản tương lai tại 57 HBT, Phường VN, Thành phố H tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 6360LCL201601294 ngày 04/10/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6360LCL201601768.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc Công ty TNHH một thành viên Thương mại xuất nhập khẩu T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số nợ 28.333.346.773 (Hai mươi tám tỷ ba trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi ba) đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706 ngày 16/06/2016:

Nợ gốc: 9.794.580.000 đồng, lãi trong hạn: 7.332.966.328 đồng, lãi quá hạn: 1.471.893.111 đồng.

Tổng số nợ gốc và lãi: 18.599.439.439 (Mười tám tỷ năm trăm chín mươi chín triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi chín) đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 6360LAV201601282 ngày 04/10/2016:

Lãi trong hạn: 9.716.666.667 đồng, lãi quá hạn: 17.240.667 đồng. Tổng cộng nợ lãi quá hạn và lãi trong hạn là 9.733.907.334 (Chín tỷ bảy trăm ba mươi ba triệu chín trăm lẻ bảy nghìn ba trăm ba mươi bốn) đồng.

Phương thức và thời hạn trả: Trả làm một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Ngay khi Công ty TNHH một thành viên Thương mại xuất nhập khẩu T trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 6360LAV201600706 ngày 16/6/2016 thì Ngân hàng phải trả lại cho ông D bản chính các giấy tờ sau:

Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 300114, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CHO1389 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp cho ông D ngày 27/11/2013.

Bản chính thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số 8282-13/TB ngày 28/11/2013.

Trường hợp Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: 124/15 Đ, Phường X, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CHO1398 do Ủy ban nhân dân Quận T cấp cho ông D ngày 27/11/2013 để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 124/15 Đ, Phường X, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu sau khi phát mãi mà giá trị phát mãi nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T đối với Ngân hàng N thì Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T có trách nhiệm thanh toán phần tiền còn lại. Trường hợp này, kể từ ngày tiếp theo của ngày phát mãi tài sản đảm bảo, cho đến khi thực hiện xong các khoản phải trả, Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp nếu sau khi phát mãi mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T đối với Ngân hàng N thì Ngân hàng N phải hoàn trả phần giá trị còn lại cho ông D.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T phải chịu án phí sơ thẩm là 136.333.347 (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bảy) đồng.

Ngân hàng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 88.901.650 (Tám mươi tám triệu chín trăm lẻ một nghìn sáu trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0038450 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH một thành viên thương mại xuất nhập khẩu T không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại 2.000.000 (Hai triệu) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0068497 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Cục THADS TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Đoan Trang